

LỢI THẾ CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT NGÔ CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Competitive advantage of corn production in the Red River Delta (RRD)

Trần Đình Thao¹, Đỗ Trường Lâm¹

SUMMARY

Corn production in RRD has been underdeveloped with modest planted area. Corn is usually planted in between other crop seasons along river banks. Volume of corn production in 2002 was 246.7 thousand metric tons, which contributed only 9.8% total corn output of the country. By time of the study in 2004, the RRD has no competitive advantage in producing corn (DRC/OER=0.97) and low comparative advantage (DRC/SER= 0.8). The main causes are : (i) low productivity (which is low as 70% world average corn productivity) , (ii) high cost of production, and (iii) small and dispersed planted corn area (on average, one farm household has around 1000 m² corn area, which is distributed in 2 or 3 parcels). The study shows that the comparative advantage of corn production in RRD will be improved if either corn productivity increases by 15% or production cost reduces by 15%.

Key word: Corn production in RRD, competitive advantage.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng Bằng Sông Hồng (ĐBSH) - một trong những vùng trọng điểm kinh tế của nước ta, có nhiều lợi thế trong sản xuất nông sản hàng hóa. Các loại nông sản được coi là thế mạnh của vùng cần phải kể đến bao gồm: lúa gạo, thịt lợn, sữa bò, đậu tương, ngô, ... Tuy nhiên, một số loại nông sản sẽ không có khả năng phát triển khi nước ta tham gia vào tổ chức thương mại thế giới (WTO), do khả năng cạnh tranh của các mặt hàng này thấp. Vì vậy, cần phải có những nghiên cứu về khả năng cạnh tranh của các loại nông sản này, để từ đó tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh khi nước ta hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới. Bài báo đề cập tới khả năng cạnh tranh trong sản xuất ngô hạt ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng khi tham gia vào nền kinh tế thị trường của khu vực và thế giới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu thập các số liệu thứ cấp về diện tích, năng suất, sản lượng ngô đã được công bố thông qua sách, báo, tạp chí, báo cáo tổng kết của các tỉnh..., các chính sách có liên quan đến sản xuất ngô đã được ban hành và kế thừa số liệu của các công trình nghiên cứu trước có liên quan. Các số liệu sơ cấp về diện tích, năng suất, sản lượng ngô của các hộ nông dân thu được từ phỏng vấn trực tiếp 100 hộ nông dân ở 2 tỉnh Hà Tây và Nam Định thông qua các biểu mẫu câu hỏi đã được chuẩn bị sẵn.

Phân tích lợi thế cạnh tranh (Domestic Resource Cost – DRC) của ngô bằng hệ số chi phí nguồn lực (DRC). Đây là thước đo hiệu quả tương đối của sản xuất ngô trong nước thông qua việc so sánh chi phí cơ hội của nguồn lực trong nước với giá trị của nguồn lực này do sản phẩm tạo ra (Tsakoka, 1990). Dựa vào số liệu điều tra ở các địa phương sẽ tính chỉ tiêu DRC như sau:

$$DRC_i = \frac{\sum a_{ij}S_j}{(P_i b - \sum a_{ij}P_j b)}$$

Trong đó:

a_{ij} (j = 1 đến k) khối lượng các loại đầu vào nhập khẩu; (j = k+1 đến n) khối lượng các đầu vào trong nước dùng để sản xuất sản phẩm i;

S_j giá xã hội của các đầu vào trong nước nói trên;

P_{ib} là giá quốc tế của sản phẩm i (tính bằng đồng nội tệ);

P_{jb} là giá nhập khẩu của các đầu vào (tính bằng đồng nội tệ)

Sau khi tính được DRC, so sánh chỉ số này với tỷ giá hối đoái chính thức (OER) và tỷ giá hối đoái mờ (SER với $SER = 1,2 * OER$).

Tính tỷ số: DRC_i/OER và DRC/SER

Nếu $DRC/SER < 1$ (sản phẩm i có lợi thế so sánh)

Nếu $DRC_i/SER > 1$ (sản phẩm i không có lợi thế so sánh)

Nếu $DRC_i/OER < 1$ (sản phẩm i có lợi thế cạnh tranh),

Nếu $DRC_i/OER > 1$ (sản phẩm i không có lợi thế cạnh tranh)

- Số liệu được tính toán và xử lý trên phần mềm Excel.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tình hình sản xuất ngô của vùng ĐBSH

Theo số liệu thống kê của Tổng Cục Thống kê năm 2003, diện tích ngô của vùng có xu hướng giảm mạnh, năm 1999 là 113,7 nghìn ha thì đến năm 2003 chỉ còn 80,3 nghìn ha. Diện tích trồng ngô chủ yếu là ở ven sông, đất bãi, và dưới dạng tầng vụ. Sản lượng ngô cũng có xu hướng giảm mạnh. Năm 1997 sản lượng ngô của ĐBSH là 361,7 nghìn tấn chiếm 21,9 % trong tổng sản lượng ngô của cả nước thì đến năm 2002 sản lượng ngô của vùng ĐBSH giảm xuống còn 246,7 nghìn tấn và chỉ chiếm 9,8 % trong tổng sản lượng ngô của cả nước.

Tuy diện tích canh tác bị giảm đáng kể nhưng năng suất ngô của vùng ĐBSH giai đoạn 1995-2003 đều tăng qua các năm và cao hơn so với năng suất ngô bình quân của cả nước. Năm 1995 năng suất ngô vùng ĐBSH là 27,0 tạ/ha, cao hơn năng suất ngô bình quân của cả nước là 5,9 tạ/ha; đến năm 2003 năng suất ngô vùng ĐBSH tăng lên đạt 36,7 tạ/ha và cao hơn so với năng suất ngô bình quân của cả nước là 4,5 tạ/ha (Niên giám thống kê, 2003). Điều này cho thấy, ở nước ta trình độ thâm canh ngô của nông dân vùng ĐBSH là khá cao.

Phân tích lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của sản xuất ngô ở ĐBSH

Kết quả tính toán cho thấy, vùng ĐBSH có lợi thế so sánh trong sản xuất ngô, tuy nhiên lợi thế này là rất thấp. Chỉ số DRC/SER của ngô đông là 0,8 của ngô xuân là 0,82. Điều này cũng lý giải vì sao ngô không phải là cây trồng chiếm vai trò chủ đạo ở vùng ĐBSH.

Về lợi thế cạnh tranh trong sản xuất ngô, kết quả tính toán bảng 1 cho thấy, mặc dù sản xuất ngô ở ĐBSH, kể cả ngô xuân và ngô đông đều có chỉ số $DRC/OER < 1$, song các chỉ số này rất cao và xấp xỉ bằng 1 (0,99 ở vụ xuân và 0,97 ở vụ mùa) nên chúng ta có thể kết luận ĐBSH không có lợi thế cạnh tranh trong sản xuất ngô. Sở dĩ lợi thế cạnh tranh trong sản xuất ngô của vùng còn thấp chủ yếu là do: (i) năng suất ngô thấp so với thế giới. Năm 2004, năng suất ngô bình quân của Việt Nam đạt 34,9 tạ/ha, thì năng suất ngô trên thế giới là: 48,6 tạ/ha, của Mỹ là 100,5 tạ/ha (<http://vietnamnet.vn/bandocviet/2005/08/483328>); (ii) chi phí các loại đầu vào trong sản xuất còn cao; (iii) diện tích đất chuyên trồng ngô hầu như không có mà chủ yếu ngô được trồng dưới hình thức tầng vụ. Diện tích canh tác ngô rất nhỏ lẻ, manh mún, không áp dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Theo kết quả điều tra thì bình quân mỗi hộ có từ 2 đến 3 mảnh đất trồng ngô, với tổng diện tích trồng ngô một hộ là 2 - 3 sào bắc bộ.

Thực tế, những năm gần đây khối lượng ngô nhập khẩu vào Việt Nam có xu hướng tăng đều và tăng nhanh. Trong giai đoạn 1995-1999 tốc độ nhập khẩu tăng bình quân năm là 54,2%, từ 26.000 tấn (năm 1995) tăng lên 147.000 tấn (năm 1999) (Niên giám thống kê 2003). Tuy nhiên, do giá ngô nhập khẩu giảm xuống nên về mặt giá trị ngô nhập khẩu chỉ tăng bình quân 31,01% trong cùng thời kỳ trên. Trong giai đoạn 2000-2002, nước ta vẫn nhập một khối lượng ngô khá lớn chủ yếu để làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi. Tuy vậy tốc độ tăng của khối lượng ngô nhập khẩu có giảm hơn so với thời kỳ trước. Tốc độ tăng bình quân trong giai đoạn này là 27,37% về mặt khối lượng và 31,72% về mặt giá trị.

Bảng 1. Chi phí nguồn lực nội địa của sản xuất ngô, 2004
(tính bình quân cho 1 tấn ngô)

| Các khoản mục | ĐVT | Vụ xuân | Vụ đông |
|-------------------------|------------|---------|---------|
| 1. Giá trị sản phẩm | | | |
| - Tính bằng ngoại tệ | USD/tấn | 112,0 | 112,0 |
| - Tính bằng nội tệ | 000' đ/tấn | 1764,0 | 1764,0 |
| 2. Chi phí sản xuất | | | |
| - Trong nước | 000' đ/tấn | 1064,5 | 1055,3 |
| - Nước ngoài | 000' đ/tấn | 408,7 | 386,0 |
| 3. Chi phí marketing | | | |
| - Trong nước | 000' đ/tấn | 188,0 | 188,0 |
| - Nước ngoài | 000' đ/tấn | 86,2 | 86,2 |
| 4. Tổng chi phí kinh tế | | | |
| - Trong nước | | 1252,5 | 1243,3 |
| - Nước ngoài | 000' đ/tấn | 494,9 | 472,2 |
| | USD/tấn | 31,4 | 30,0 |
| 5. Thu ngoại tệ ròng | USD | 80,6 | 82,0 |
| 6. DRC | VNĐ/USD | 15,5 | 15,2 |
| 7. DRC/SER | lần | 0,82 | 0,80 |
| 8. DRC/OER | lần | 0,99 | 0,97 |

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2004

Phân tích các kịch bản đối với sản xuất ngô

Một trong những hạn chế của chỉ số DRC là nó chỉ mang tính thời điểm. Vì vậy, khi nghiên cứu lợi thế cạnh tranh của một loại hàng hoá nào đó, đòi hỏi chúng ta phải phân tích độ nhạy của chỉ số DRC, tức là chúng ta phải phân tích sự thay đổi của DRC khi có các yếu tố cấu thành nên nó thay đổi (hay còn gọi là các kịch bản). Mục đích của việc phân tích kịch bản là giúp cho các nhà hoạch định chính sách có thể đề ra các chính sách cho phù hợp để duy trì và nâng cao khả năng cạnh tranh của các loại sản phẩm nói trên khi có các tình huống bất lợi xảy ra. Chúng tôi tiến hành phân tích 2 “kịch bản” sau đây:

- ✓ “Kịch bản” 1. Giả sử do áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất làm cho năng suất ngô của vùng ĐBSH ngày càng tăng lên. Khi đó chúng ta xác định xem liệu ngô của vùng ĐBSH có lợi thế cạnh tranh hay không?
- ✓ “Kịch bản” 2. Giả sử do phải chịu sức ép cạnh tranh nên buộc người sản xuất phải canh tác hợp lý hơn và đã góp phần giảm được chi phí sản xuất. Khi đó chúng ta phải xác định xem liệu ngô của vùng ĐBSH có lợi thế cạnh tranh hay không?

Để khẳng định rõ hơn sự tác động của năng suất ngô và chi phí sản xuất đến chỉ số DRC chúng tôi tiến hành tính toán giá trị của chỉ số DRC khi năng suất ngô tăng 5%, 10% và 15%; và tính toán chỉ số DRC khi chi phí sản xuất giảm 5%, 10% và 15%, kết quả được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Giá trị của chỉ số DRC, DRC/OER theo các kịch bản

| Diễn giải | Vụ xuân | | Vụ đông | |
|-------------------------------------|---------|---------|---------|---------|
| | DRC | DRC/OER | DRC | DRC/OER |
| 1. Ban đầu | 15,5 | 0,99 | 15,2 | 0,97 |
| 2. Khi năng suất ngô tăng | | | | |
| Tăng 5 % | 14,9 | 0,95 | 14,3 | 0,91 |
| Tăng 10 % | 13,9 | 0,88 | 13,6 | 0,86 |
| Tăng 15 % | 13,3 | 0,84 | 13,0 | 0,82 |
| 3. Khi chi phí sản xuất giảm | | | | |
| Giảm 5 % | 14,6 | 0,93 | 14,3 | 0,91 |
| Giảm 10 % | 13,8 | 0,88 | 13,5 | 0,86 |
| Giảm 15 % | 12,5 | 0,79 | 12,7 | 0,81 |

Nguồn: Số liệu điều tra và tính toán, năm 2004

Với các giả định ở bảng 2 chúng ta thấy, nếu năng suất ngô tăng lên 5% so với mức năng suất hiện tại thì sản xuất ngô của ĐBSH bắt đầu có lợi thế cạnh tranh, nếu năng suất ngô tăng thêm 15% so với hiện tại thì sản xuất ngô có lợi thế cạnh tranh, nhưng vẫn còn thấp (*chỉ số DRC/OER < 1*, vụ xuân $DRC/OER = 0,84$; vụ mùa $DRC/OER = 0,82$). Tương tự như vậy, nếu chi phí sản xuất giảm 5% so với hiện tại thì sản xuất ngô ở ĐBSH có lợi thế cạnh tranh, tuy nhiên còn ở mức thấp. Nếu chi phí sản xuất giảm 15% so với hiện tại thì ngô ở vùng ĐBSH thực sự có lợi thế cạnh tranh ở cả vụ xuân và vụ đông (*chỉ số DRC/OER < 1 và thấp*; vụ xuân $DRC/OER = 0,79$; vụ mùa $DRC/OER = 0,81$).

Qua đây chúng ta có thể khẳng định chỉ số phản ánh lợi thế cạnh tranh của ngô ở ĐBSH rất nhạy cảm với năng suất ngô và chi phí sản xuất. Vì vậy, để nâng cao được lợi thế cạnh tranh của sản phẩm ngô ở vùng ĐBSH trong thời gian tới chúng ta cần đưa vào sản xuất các loại giống ngô lai có năng suất cao. Đồng thời cần nghiên cứu để tìm ra phương thức canh tác hợp lý cho người nông dân nhằm giúp cho họ có thể giảm được chi phí sản xuất, từ đó sẽ góp phần nâng cao được khả năng cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

4. KẾT LUẬN

Diện tích ngô vùng ĐBSH còn thấp, năng suất ngô chưa cao, ngô chưa phải là cây trồng chính của vùng ĐBSH. Hiện tại, ĐBSH hầu như không có lợi thế cạnh tranh và lợi thế so sánh trong sản xuất ngô.

Đồng bằng sông Hồng sẽ có lợi thế cạnh tranh trong sản xuất ngô, nếu như năng suất ngô tăng thêm 15% hoặc chi phí sản xuất giảm 15%.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất và nâng cao khả năng cạnh tranh của ngô trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản như: nghiên cứu để đưa vào sản xuất các loại giống ngô có năng suất cao, chất lượng tốt. Đồng thời cần nghiên cứu để tìm ra quy trình canh tác hợp lý để giúp các hộ sản xuất có thể hạ được giá thành sản xuất để từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh.

Tài liệu tham khảo

Niên giám thống kê năm 2003 (2004). Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.

Phan Xuân Hòa, “Một số ý kiến về giải pháp trồng ngô mật độ cao”, website: <http://vietnamnet.vn/bandocviet/2005/08/483328/>.

Tsakok Isabelle. 1990. Agricultural Price Policy: A Practitioner's Guide to Partial Equilibrium Analysis. Cornell University Press, 1989.